

VIÊM CỔ TỬ CUNG (CERVICITIS)

BS.Nguyễn Ngọc Anh Thư biên soạn

Viêm cổ tử cung là gì?

Viêm cổ tử cung là tình trạng viêm nhiễm tại vùng cổ tử cung (đoạn dưới, hẹp của tử cung, thông với âm đạo) do tác nhân nhiễm trùng (vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng, virus) hoặc kích ứng, sang chấn. Tổn thương có thể ở trong kênh cổ tử cung hoặc vùng cổ ngoài, thường phối hợp với viêm âm đạo hay viêm vùng chậu.

Những yếu tố nguy cơ của bệnh

- Quan hệ tình dục không an toàn: nhiều bạn tình, không dùng bao cao su, bạn tình mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục.
 - Vệ sinh sinh dục không đúng: thụt rửa âm đạo, dùng dung dịch sát khuẩn mạnh, đặt thuốc không hợp lý.
 - Đặt dụng cụ tử cung, thủ thuật nạo hút, nong – nạo, khoét chóp cổ tử cung, sinh đẻ không đảm bảo vô khuẩn.
 - Viêm âm đạo tái diễn không điều trị triệt để
- Rối loạn nội tiết (thai kỳ, dùng thuốc tránh thai nội tiết, suy buồng trứng), đái tháo đường, suy giảm miễn dịch (HIV, corticoid kéo dài...)

Biểu hiện thường gặp của bệnh

- Nhiều trường hợp viêm cổ tử cung ít hoặc không triệu chứng, chỉ phát hiện khi khám phụ khoa. Khi có triệu chứng, thường gặp:
- Khí hư bất thường: Ra nhiều, kéo dài; màu vàng, xanh, xám; có thể có bọt; mùi hôi hoặc tanh khó chịu.
 - Ngứa, rát âm hộ – âm đạo, cảm giác nóng rát trong âm đạo.
 - Đau vùng bụng dưới hoặc vùng chậu, có thể lan thắt lưng, tăng khi giao hợp.
 - Đau khi giao hợp, có thể kèm chảy máu trong hoặc sau giao hợp.
 - Chảy máu âm đạo bất thường: giữa kỳ kinh, sau giao hợp, hoặc sau mãn kinh (cần đặc biệt lưu ý để loại trừ tổn thương tiền ung thư – ung thư.)
 - Tiểu buốt, tiểu rất khi viêm lan sang niệu đạo – bàng quang.

Biến chứng

- Nhiễm khuẩn ngược dòng: viêm phần phụ (vòi trứng, buồng trứng), viêm nội mạc tử cung, viêm phúc mạc tiểu khung
- Tăng nguy cơ vô sinh, hiếm muộn: do tắc vòi, do môi trường cổ tử cung bất lợi cho tinh trùng; tăng nguy cơ thai ngoài tử cung do viêm lan lên trên gây dính – sẹo vòi trứng

	<ul style="list-style-type: none"> ○ Ảnh hưởng thai kỳ: sẩy thai, đẻ non, vỡ ối sớm, nhiễm khuẩn ối, nhiễm khuẩn sơ sinh (viêm kết mạc, viêm phổi, nhiễm khuẩn huyết). ○ Tăng nguy cơ nhiễm và lây truyền HIV, bệnh lây truyền qua đường tình dục khác. ○ Nguy cơ ung thư hóa: viêm mạn tính, đặc biệt trên nền nhiễm HPV nguy cơ cao, làm tăng khả năng xuất hiện tổn thương tiền ung thư và ung thư cổ tử cung.
<p>Các xét nghiệm cần làm</p>	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thử pH âm đạo. ○ Soi tươi dịch âm đạo: với nước muối sinh lý; với KOH 10% ○ Nhuộm Gram ○ Test nhanh/ PCR (nếu có): trong trường hợp nghi ngờ nhiễm lây truyền qua đường tình dục. ○ Siêu âm phụ khoa ○ Tế bào học cổ tử cung (Pap smear) và/hoặc HPV test: ○ Soi cổ tử cung + sinh thiết nếu có kết quả nghi ngờ ○ Các xét nghiệm kèm theo khi nghi viêm vùng chậu, viêm phúc mạc: công thức máu, CRP, test thai, v.v
<p>Hướng điều trị</p>	<ul style="list-style-type: none"> ○ Cố gắng tìm căn nguyên (lậu, Chlamydia, nấm, trichomonas, BV...) để điều trị đặc hiệu. ○ Điều trị đồng thời viêm âm đạo đi kèm (rất thường gặp). ○ Điều trị cả bạn tình trong các trường hợp bệnh lây truyền qua đường tình dục (lậu, Chlamydia, trichomonas...). ○ Kết hợp điều chỉnh các yếu tố nguy cơ: vệ sinh, tránh thụt rửa, sử dụng bao cao su, tình dục an toàn, quản lý bệnh nền.
<p>Chế độ theo dõi và phòng ngừa</p>	<ul style="list-style-type: none"> ○ Tái khám theo lịch hẹn của bác sĩ ○ Vệ sinh sinh dục đúng cách: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Rửa nhẹ vùng âm hộ bằng nước sạch hoặc dung dịch dịu nhẹ, không thụt rửa sâu âm đạo. ▪ Thay băng vệ sinh thường xuyên, mặc đồ lót cotton, khô, thoáng. ○ Tình dục an toàn: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Sử dụng bao cao su đúng cách, đều đặn. ▪ Hạn chế số bạn tình; khuyến khích cùng đi khám và điều trị khi một trong hai người bị bệnh. ○ Sàng lọc ung thư cổ tử cung định kỳ bằng Pap/HPV; tiêm vaccine HPV cho nhóm tuổi thích hợp để phòng nhiễm HPV nguy cơ cao ○ Tránh lạm dụng kháng sinh, corticoid; kiểm soát tốt bệnh lý nền ○ Khám phụ khoa định kỳ, đặc biệt khi có dấu hiệu bất thường